

Số: 12 /NQ-HĐND

Hải An, ngày 30 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG HẢI AN KHÓA I,
KỲ HỌP THỨ 3**

(Ngày 30 tháng 7 năm 2025)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2023;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND, ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND, ngày 25/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND, ngày 29 tháng 7 năm 2025 của UBND phường về quyết định dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp với các nội dung sau:

1. Dự toán thu ngân sách: (có biểu chi tiết kèm theo)

Tổng thu ngân sách nhà nước	: 394.229 triệu đồng.
(TĐ: Thu ngân sách địa phương hưởng	: 377.785 triệu đồng)
1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	: 45.160 triệu đồng.
1.2. Bổ sung từ ngân sách cấp trên	: 349.069 triệu đồng.

2. Dự toán chi ngân sách: (có biểu chi tiết kèm theo)

Tổng chi ngân sách nhà nước	: 387.858 triệu đồng
- Tổng chi cân đối NSDP (trừ tiết kiệm)	: 377.785 triệu đồng.
+ Chi thường xuyên	: 370.377 triệu đồng.
+ Dự phòng ngân sách	: 7.408 triệu đồng.
- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	: 10.073 triệu đồng.

Hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu thu, chi ngân sách thành phố giao

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân phường Hải An thực hiện dự toán đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định và tập trung chỉ đạo:

1. Thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản theo quy định của Pháp luật, tổ chức quản lý, khai thác tốt các nguồn thu, quản lý tốt các khoản thu có điều kiện tăng thu, phân đầu thu hoàn thành các sắc thuế theo dự toán UBND thành phố giao.

2. Tăng cường biện pháp chống thất thu. Phân đầu thu ngân sách, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bố trí chi cải cách tiền lương. Nguồn cải cách tiền lương năm 2024 chuyển sang năm 2025 để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Đánh giá đầy đủ các yếu tố biến động đến tăng, giảm nguồn thu; điều chỉnh kịp thời các khoản thu để dự toán sát với thực tế, có giải pháp quyết liệt phân đầu tăng thu ngân sách so với dự toán UBND thành phố giao.

4. Thực hiện nghiêm luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi ngân sách, đảm bảo công khai các khoản chi, chi đúng nguồn, đúng việc. Trong trường hợp hụt thu thì thực hiện cắt giảm các khoản chi tương ứng, ưu tiên kinh phí để chi trả lương, chế độ chính sách, chế độ an sinh xã hội, không để xảy ra nợ chế độ chính sách cho con người.

5. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo chế độ chính sách, kỷ luật tài chính.

6. Tập trung nguồn vốn đảm bảo cho các công trình đầu tư công triển khai năm 2025 (nếu có).

7. Thực hiện các khoản chi theo đúng dự toán được giao, ưu tiên cho các nhiệm vụ chính trị quan trọng, đảm bảo thực hiện chi phù hợp.

8. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán trong việc sử dụng ngân sách năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân phường phân bổ, giao dự toán chi đối với các khoản chi chưa phân bổ chi tiết đảm bảo kịp thời, tiết kiệm, hiệu quả; tuân thủ đúng quy định của pháp luật, định kỳ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân phường khoá I, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2025./

Nơi nhận:

- TTHĐND, UBND Thành phố;
- Sở Tài chính;
- TTĐU, TTHĐND phường;
- UBMTTQ Việt Nam phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Tổ đại biểu HĐND phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- VPĐU, VP HĐND và UBND phường;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

(Handwritten signature in blue ink)
Nguyễn Thị Thu

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (I+II+III)	394.229	377.785	
I	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	45.160	28.715	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp phường quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	11.050	1.105	
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.500		
6	Thuế bảo vệ môi trường			
7	Lệ phí trước bạ	13.920	13.920	
8	Thu phí, lệ phí	900	900	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.060	11.060	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			
12	Thu tiền sử dụng đất			
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)			
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
16	Thu khác ngân sách	45	45	
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.685	1.685	
II	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang	-		
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	349.069	349.069	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	338.989	338.989	
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	10.080	10.080	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán 2025 (sau tiết kiệm)	Tiết kiệm 10%	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (A+B)	387.858	377.784	10.074	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	387.858	377.784	10.074	
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	-	-	
	Trong đó:				
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
1.2	Chi khoa học và công nghệ				
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình				
1.4	Chi văn hóa thông tin				
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
1.6	Chi thể dục thể thao				
1.7	Chi bảo vệ môi trường				
1.8	Chi các hoạt động kinh tế				
1.9	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể				
1.10	Chi bảo đảm xã hội				
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	380.450	370.376	10.074	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	218.963	214.539	4.424	
2	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	15.245	14.368	877	
3	Chi khoa học và công nghệ		-		
4	Chi y tế, dân số và gia đình	17.419	17.393	26	
5	Chi văn hóa thông tin	3.768	3.494	274	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	491	442	49	
7	Chi thể dục thể thao	889	800	89	
8	Chi bảo vệ môi trường	1.250	1.125	125	
9	Chi các hoạt động kinh tế	16.555	14.902	1.653	
10	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	70.978	68.743	2.235	
11	Chi bảo đảm xã hội	32.994	32.861	133	
12	Chi khác	1.898	1.708	190	
III	Dự phòng ngân sách	7.408	7.408		
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG MỤC TIÊU				

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG HẢI AN NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025 (sau khi tiết kiệm)	Ghi chú
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG	377.785	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	28.715	
-	Thu ngân sách phường hưởng 100%	27.610	
-	Thu ngân sách phường hưởng từ các khoản thu phân chia	1.105	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	349.069	
-	Thu bổ sung cân đối	338.989	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	10.080	
III	Thu kết dư		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	377.784	
I	Tổng chi cân đối ngân sách phường	377.784	
1	Chi đầu tư phát triển	-	
2	Chi thường xuyên	370.376	
3	Dự phòng ngân sách	7.408	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu		
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ													TỔNG CHI SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI AN NINH, QUỐC PHÒNG	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC	TIẾT KIỆM 10% CHI TX	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	380.450	214.539	-	17.393	3.494	442	800	1.125	14.902	14.368	68.744	32.861	1.708	10.074	370.376
I	Quản lý hành chính	93.614	7.714	-	160	-	-	-	-	1.100	5.071	49.958	28.343	-	1.268	92.346
1	Đảng ủy	14.819									-	14.293	-		526	14.293
2	UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	3.380									-	3.340	-		40	3.340
3	Hội đồng nhân dân	1.949									-	1.869	-		80	1.869
4	Văn phòng HĐND và UBND	22.221									4.993	16.826	-		402	21.819
5	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	8.968	50	-	-					1.100	-	6.363	1.350		105	8.863
6	Phòng Văn hóa - Xã hội	38.517	7.664	-	160						-	3.632	26.993		68	38.449
7	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	3.298									-	3.259	-		39	3.259
8	Ban chỉ huy quân sự phường	462									78	377			8	455
II	Khối đơn vị sự nghiệp	2.870	821	-	-	1.232	100	653	-	-	-	-	-		64	2.806
1	Trung tâm Chính trị	833	821												11	821
2	Trung tâm sự nghiệp công	2.038				1.232	100	653							53	1.985
III	Khối các trường học	189.673	187.171	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		2.502	187.171
1	Trường MN Đảng Lâm	9.407	9.257	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		150	9.257
2	Trường MN Đảng Hải	10.279	10.131	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		148	10.131
3	Trường MN Trảng Cát	8.575	8.435	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		140	8.435
4	Trường MN Thành Tô	5.206	5.143	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		63	5.143
5	Trường MN Cát Bi	8.629	8.487	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		142	8.487
6	Trường TH Đảng Lâm	21.687	21.430	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		257	21.430
7	Trường TH Đảng Hải	18.467	18.239	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		228	18.239
8	Trường TH Trảng Cát	10.893	10.758	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		135	10.758
9	Trường TH Thành Tô	10.104	9.949	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		155	9.949
10	Trường TH Cát Bi	17.952	17.730	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		222	17.730
11	Trường THCS Đảng Lâm	18.306	18.088	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		218	18.088
12	Trường THCS Đảng Hải	16.537	16.341	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		196	16.341
13	Trường THCS Trảng Cát	9.273	9.161	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		112	9.161
14	Trường THCS Lê Lợi	24.358	24.022	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		336	24.022
IV	Chi bảo hiểm y tế cho các đối tượng và nghiệp vụ y tế dân số	17.233			17.233											17.233
V	Chi cải tạo, sửa chữa các công trình	30.316	15.302			1.997				9.059		575	350		3.032	27.284
VI	Chi còn lại các sự nghiệp chưa phân bổ (bao gồm số đã chi từ quận cũ và phường cũ trước khi sát nhập mang sang, tiết kiệm theo Nghị quyết 173 của Chính phủ....)	46.743	3.531		-	265	342	147	1.125	4.743	9.297	18.210	4.167	1.708	3.208	43.535